

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH TƯỜNG  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HNGĐ - ST

Ngày 25 tháng 9 năm 2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đỗ Thị Minh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Tôn Thiết

Ông Nguyễn Văn Chung

**- Thư ký phiên toà:** Ông Hoàng Tuấn Mạnh –Cán bộ Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà:**  
Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2020/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1985 (có mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Thôn CX, xã CĐ, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở hiện nay: Thôn BG, xã TP, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn CX, xã CĐ, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1951 (bố anh T vắng mặt)

Bà Lê Thị Ch, sinh năm 1957 (mẹ anh T vắng mặt)

Địa chỉ: Đều ở thôn CX, xã CĐ, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2019 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày:* Chị kết hôn với anh Phan Văn T ngày 21/01/2010 trước khi cưới có được tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao Đại sau ngày cưới chị về làm dâu ở chung với gia đình anh T, tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh T nghiện ma túy chị khuyên nhưng anh không nghe, anh đã bị Công an huyện Vĩnh Tường bắt sau đó chị phải làm đơn bảo lãnh cho anh về nhà. Ngày 01/5/2019 anh T lấy 500.000đ của chị nhưng không nói với chị, sau chị và anh T xảy ra cãi nhau bố mẹ chồng chửi chị, anh T đánh chị sau đó vợ chồng lại bình thường. Ngày 10/8/2019 chị đưa các con đi du lịch cùng với mọi người trong thôn, trong xã trước khi đi chị bảo các con chào ông bà và bố đến chiều chị đưa các con về nhà thì mẹ anh T đóng cửa không cho chị vào, chỉ cho các con vào nhà và chửi xúc phạm đến chị. Sau chị gọi trưởng thôn, công an xã và anh em họ hàng đến giải quyết mẹ anh T và anh T vứt quần áo, xe máy của chị ra ngoài đường nên vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ đó. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân hai gia đình không giàn xếp gì, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh T.

*Bị đơn anh Phan Văn T trình bày:* Anh thừa nhận chị Th trình bày đúng về điều kiện kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, chị Th là người vợ hỗn láo chửi bố mẹ chồng sưng “tao mày” nói xúc phạm bố anh là “thằng đảng viên già thằng tóc bạc”. Anh không nghiện ma túy, tháng 8/2019 chị Th tự ý đưa con đi du lịch không báo với ai khi về mẹ anh không cho chị vào nhà, sau chị Th gọi Công an xã đến giải quyết thì gia đình nói đó là việc riêng của gia đình nên họ đi về. Sau đó chị Th bỏ đi được hai hôm thì về nhà chửi bố mẹ anh và vợ chồng sống ly thân từ đó, nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị Th xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Chị Th anh T thừa nhận có 02 con chung là cháu Phan Bình M, sinh ngày 22/10/2010 và cháu Phan Tiến D sinh ngày 29/12/2015, hiện nay hai cháu đang ở với anh T và ông Đ bà Ch. Ly hôn chị Th xin nuôi cháu D còn cháu M để anh T nuôi, chị có đủ điều kiện để nuôi con vì hiện nay chị làm công nhân tại Công ty TNHH CaNon, thu nhập 6.750.000đ/tháng ngoài ra còn làm thêm giờ và thu nhập khác tổng cộng khoảng 10.000.000đ, về chỗ ở chị nhờ nhà bố mẹ đẻ và ở tại ký túc xá của Công ty. Anh T không đồng ý cho chị Th nuôi cháu D, anh xin nuôi hai cháu không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh

làm công nhân tại Công ty cổ phần Thăng Cường tại thành phố Việt Trì thu nhập 6.000.000đ/tháng, anh cùng các con ở vào nhà của bố mẹ nên có đủ điều kiện để nuôi hai con.

Về tài sản chung chị Thanh T khai thống nhất: Gồm có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade BKS 88L 25088 đứng tên chị Thanh; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SHAR KBKS 30L 57366 mua lại của người khác không có giấy tờ gì; 01 chiếc tủ lạnh nhãn hiệu AQUA; 01 chiếc máy giặt nhãn hiệu LG; 01 bình thái dương năng; 01 máy lọc nước; 01 nồi cơm điện nhãn hiệu SunHouse; 02 chiếc quạt cây nhãn hiệu Vina Wind; 01 chiếc ti vi nhãn hiệu soni 48ink; 01 chiếc xe đạp nhãn hiệu ASMA02; 01 chiếc điều hoà nhãn hiệu Funiki.

Các tài sản anh chị khai không thống nhất chị Th khai: Bộ bàn ghế đồng ky mua 20.000.000đ, 01 tủ trang trí và 01 kệ để ti vi mua 26.000.000đ (anh chị trả tiền), 01 bàn thờ (án gian) bằng gỗ mít mua 14.000.000đ anh chị trả 7.000.000đ còn bố anh Tú trả 7.000.000đ. Ngoài ra chị có đưa tiền cho ông Phan Văn Đ (bố anh T) nhiều lần đi gửi ở Quỹ tín dụng xã Cao Đại, cụ thể năm 2017 đưa cho ông Đ hai lần mỗi lần 35.000.000đ; tháng 2/2018 đưa 20.000.000đ, tháng 4/2018 đưa 43.000.000đ ngày mùng 07 tết 2019 đưa 20.000.000đ tổng cộng 153.000.000đ những lần đưa tiền không có giấy tờ gì. Toàn bộ tài sản hiện nay anh Tú và gia đình đang quản lý sử dụng, ly hôn chị xin sử dụng chiếc xe máy nhãn hiệu AirBlade số tài sản còn lại để cho anh T sử dụng, anh thanh toán chênh lệch cho chị bằng tiền theo pháp luật.

Anh T khai: Bộ bàn ghế đồng ky mua 20.000.000đ của anh Phan Văn Ng (em trai anh) anh và chị Th trả được 10.000.000đ đưa tiền cho bố anh trả hộ còn 10.000.000đ thì bố anh trả; 01 tủ trang trí mua 18.000.000đ và 01 kệ để ti vi mua 7.000.000đ tổng cộng 25.000.000đ, anh chị trả được 22.000.000đ còn 3.000.000đ bố anh trả, 01 bàn thờ (án gian) mua 14.000.000đ vợ chồng trả được 7.000.000đ còn 7.000.000đ bố anh trả. Việc chị Th khai có đưa cho bố anh 153.000.000đ gửi tại Quỹ tín dụng xã Cao Đại là không đúng và không có số tiền này, ly hôn anh đề nghị tài sản của vợ chồng giải quyết theo pháp luật.

Về tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Chị Lê Thị Th và anh Phan Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức chị Th khai: Chị có thời gian ở chung với gia đình anh T khoảng 10 năm, khi chị về làm dâu thì gia đình có ngôi nhà xây cấp 4 (03 gian) và 01 gian buồng xây 02 tầng, có bếp và công trình phụ. Đến năm 2013 thì gia đình

đập bỏ toàn bộ 3 gian nhà cấp 4 và xây mới thành ngôi nhà 02 tầng còn 01 gian buồng (cũ) thì giữ nguyên, khi gia đình xây nhà chị có đưa tiền và vàng cho ông Đ tổng cộng khoảng 138.000.000đ nhưng không có giấy tờ gì. Năm 2014 gia đình xây 01 nhà bếp (xây mới) chị đưa cho bố mẹ anh T 20.000.000đ để mua gạch, cát sỏi cùng năm này chị đưa cho ông Đ 7.000.000đ để làm mái tôn của nhà 02 tầng (nhà xây trên đất của bố mẹ anh T). Ly hôn chị yêu cầu anh T và gia đình thanh toán công sức cho chị theo pháp luật.

Anh T trình bày: Trước khi anh lấy chị Th gia đình có 01 ngôi nhà cấp 4 và 01 gian buồng xây 02 tầng, bếp và công trình phụ xây từ năm 2004 đến năm 2013 gia đình đập bỏ toàn bộ phần nhà cấp 4 xây lại từ móng thành ngôi nhà 02 tầng còn gian buồng cũ giữ nguyên. Tiền xây nhà là của bố mẹ anh tích cóp mà có xây nhà hết bao nhiêu tiền anh không biết vì do bố anh chi trả, năm 2014 xây 01 nhà bếp mới thợ xây do bố anh thuê vợ chồng anh chỉ hỗ trợ phần nào. Chị Th khai khi làm nhà có đóng góp tiền vàng khoảng 138.000.000đ là không đúng và không có số tiền này. Vợ chồng anh có đưa cho bố mẹ 7.000.000đ để làm mái tôn, khi làm bếp anh có mua cát sỏi hết khoảng 3.000.000đ chị Thanh mua gạch lát, ốp hết khoảng 3.000.000đ. Hàng ngày vợ chồng đi làm con để ở nhà cho bố mẹ trông, chị Th đi làm tuần mới về nhà một lần nên không có công sức đóng góp gì, anh đề nghị giải quyết theo pháp luật.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

*Tại phiên toà ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị Ch vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 21/5/2020, ngày 10/9/2020, ngày 15/9/2020 ông Đ bà Ch trình bày:* Ông bà là bố mẹ của anh T, anh T chị Th kết hôn năm 2009 khi cưới chị Th làm công nhân ở công ty Canon cho đến nay, anh Tú làm ở Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Bồ Sao sau khi cưới chị Th ở chung với ông bà. Quá trình chung sống chị Th ăn nói bạt mạng đi không hỏi về không chào, anh chị mâu thuẫn với nhau nên đã sống ly thân từ tháng 10/2019, nay chị Th xin ly hôn anh T do anh chị quyết định ông bà không có ý kiến gì. Anh T chị Th có hai con chung như anh chị trình bày là đúng, hiện nay các cháu đang ở với anh T và ông bà gia đình có đủ điều kiện để nuôi các cháu, mặt khác ông bà muốn các cháu ở cùng nhau cho có anh có em nên đề nghị Toà án giải quyết cho hai cháu ở với anh T và ông bà. Chị Th hiện nay làm công nhân ở khu công nghiệp Thăng Long, chị thuê nhà ở đó luôn nên không có thời gian để chăm con và không có nhà đất.

Trước kia ông làm công nhân viên kỹ thuật của Công ty ca nô lâm sản Việt Trì đến năm 1993 thì nghỉ hưu, bà Ch ở nhà làm nông nghiệp và chăn nuôi. Năm 1980 ông bà xây 03 gian nhà cấp 4 và công trình phụ, năm 2004 xây thêm 01 gian buồng 02 tầng cạnh ngôi nhà cấp 4 cho rộng rãi. Năm 2013 do nhà xuống cấp nên gia đình phá đi xây thành 01 ngôi nhà như hiện nay, ông là người gọi thợ và đứng ra xây nhà xây hết khoảng 300.000.000đ tiền làm nhà là của ông bà. Khi gia đình làm nhà anh chị có góp 7.000.000đ để làm mái tôn, năm 2014 gia đình xây 01 nhà bếp hết khoảng 60.000.000đ tiền làm bếp là của ông bà, anh chị có mua cát, sỏi gạch lát nền nhà và gạch ốp khoảng 6.000.000đ. Chị Th khai khi gia đình xây nhà có đưa cho ông tiền vàng khoảng 138.000.000đ là không đúng, chị Th có đưa tiền chi tiêu gia đình và tiền ăn của hai con lúc thì 500.000đ, 1.000.000đ, 1.500.000đ. Chị Th về làm dâu gia đình ông chị làm công nhân ở công ty Canon thu nhập chỉ đủ ăn và nuôi con không có dư thừa. Sau khi xây nhà anh chị có mua sắm một số đồ đạc trong gia đình như anh chị khai là đúng, chiếc điều hoà là do 03 người con của ông góp tiền mua cho ông bà. Tủ trang trí và kệ để ti vi anh chị mua hết 25.000.000đ anh chị trả tiền còn thiếu 3.000.000đ ông trả nốt, nay ông cho anh chị số tiền này. Bộ bàn ghế anh chị mua của anh Phan Văn Ng (con trai ông) 20.000.000đ, anh chị trả được 10.000.000đ còn 10.000.000đ ông trả cho anh Ng. Chiếc bàn thờ gia đình mua 14.000.000đ anh chị trả được 7.000.000đ còn 7.000.000đ ông trả, nay ông đề nghị tính chung vào công sức của cả gia đình.

Việc chị Th khai có đưa cho ông 153.000.000đ để gửi tại Quỹ tín dụng xã là không đúng không có số tiền này, số tiền 100.000.000đ gửi ở Quỹ tín dụng là tiền tiết kiệm của ông. Nay chị Th yêu cầu chia tài sản sử dụng chung với gia đình ông bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, do ông bà tuổi cao nên xin được giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị căn cứ Điều 33, 51, 56, 61, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử:

Cho chị Lê Thị Th được ly hôn với anh Phan Văn T.

Về con chung: Giao chị Th chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phan Tiến D; anh T được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phan Bình M. Chị Th, anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức: Chấp nhận yêu cầu về chia tài sản chung của chị Th đối với các tài sản gồm: 01 chiếc xe mô tô Honda AirBlade trị giá 20.000.000đ; 01 xe máy Sharka trị giá 1.300.000đ; 01 tủ lạnh trị giá 8.000.000đ; 01 máy giặt LG trị giá 1.500.000đ; 01 thái dương năm trị giá 1.000.000đ; 01 máy lọc nước trị giá 1.000.000đ; 01 nồi cơm điện sunhouse trị giá 50.000đ; 02 quạt cây trị giá 200.000đ; 01 tivi sony 48inch trị giá 3.000.000đ; 01 điều hòa Funiki trị giá 2.000.000đ; 01 chiếc xe đạp ASAMA trị giá 300.000đ; 01 tủ trang trí 10.000.000đ và 01 kệ ti vi trị giá 5.000.000đ tổng giá trị tài sản là 53.350.000đồng.

Chia cho chị Th và anh T được hưởng một nửa giá trị số tài sản trên. Giao chị Th được quản lý, sử dụng chiếc xe mô tô Honda AirBlade trị giá 20.000.000đ; Giao anh T được quản lý, sử dụng các tài sản còn lại, tổng giá trị tài sản là 33.350.000đ. Buộc anh T phải thanh toán giá trị chênh lệch cho chị Th số tiền là 6.675.000đồng.

Chấp nhận yêu cầu thanh toán về công sức của chị Th. Buộc anh T, ông Đ, bà Ch phải thanh toán cho chị Th số tiền công sức là 42.550.000đồng.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí, lệ phí và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng dân sự:* Chị Lê Thị Th có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc ly hôn của chị và anh T theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Về sự vắng mặt của ông Đ, bà Ch đã có lời khai và đơn xin giải quyết vắng mặt, vì vậy căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010 chị Lê Thị Th kết hôn với anh Phan Văn T trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 02 con chung, trong quá trình chung sống do vợ chồng không hợp nhau không tìm được tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn, sau đó chị Th bỏ đi nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ rằng tình cảm vợ chồng thực

sự không còn, đời sống chung không đạt được nay hai anh chị đều đồng ý ly hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Th được ly hôn với anh T là phù hợp.

[2]. Về con chung: Chị Th anh T có 02 con chung là cháu M và cháu D hiện nay hai cháu đang ở với anh T và bố mẹ anh T, ly hôn hai anh chị đều có nguyện vọng xin nuôi con là hoàn toàn chính đáng. Xét về điều kiện nuôi con của hai bên thấy chị Th anh T đều có việc làm và thu nhập ổn định. Mặt khác quan hệ tình cảm giữa cha mẹ đối với con cái là tình cảm đặc biệt, nguyện vọng của cháu M xin ở với anh T, còn cháu D hiện nay còn nhỏ (mới hơn 04 tuổi) nên cần sự chăm sóc bảo ban của người mẹ. Vì vậy nên giao cháu M cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, giao cháu D cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[3]. Về tài sản chung: Chấp nhận số tài sản chung chị Th anh T khai thống nhất gồm 01 chiếc xe máy nhãn hiệu honda AirBlade BKS 88L 25088; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SHARK BKS 30L 57366; 01 chiếc tủ lạnh nhãn hiệu AQUA; 01 chiếc máy giặt nhãn hiệu LG; 01 bình thái dương năng; 01 máy lọc nước; 01 nồi cơm điện nhãn hiệu SunHouse; 02 chiếc quạt cây nhãn hiệu Vina Wind; 01 chiếc tivi 48ink nhãn hiệu soni; 01 chiếc xe đạp nhãn hiệu ASMA02 Hội đồng định giá tổng cộng 36.350.000đ còn 01 chiếc điều hòa anh chị tự định giá 2.000.000đ tổng cộng là 38.350.000đồng.

Còn 01 tủ trang trí và 01 kệ để tivi chị Th khai mua 26.000.000đ, anh T khai mua 25.000.000đ đã trả được 22.000.000đ còn 3.000.000đ ông Đ bố anh T trả, bố anh T cũng thừa nhận và ông xác nhận cho anh chị số tiền mà ông đã trả trên. Vì vậy cần tính 01 tủ trang trí và 01 kệ để tivi vào tài sản chung của anh T chị Th Hội đồng định giá tổng cộng 15.000.000đồng. Như vậy anh T chị Th có khối tài sản chung tổng cộng 53.350.000đ, ly hôn giao cho chị Th sử dụng 01 chiếc xe máy nhãn hiệu honda AirBlade BKS 88L 25088 trị giá 20.000.000đ, số tài sản còn lại giao cho anh T quản lý sử dụng tổng cộng 33.350.000đ anh T phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Th 6.675.000đồng.

Còn 01 bộ bàn ghế đồng kỵ, 01 bàn thờ (án gian) không tính vào tài sản chung của chị Th anh T được. Vì khi mua những tài sản này thì ông Đ, bà Ch đã cùng anh T, chị Th trả tiền nên cần tính vào phần công sức của cả gia đình mới phù hợp.

[4]. Về công sức: Chị Th có thời gian ở chung với gia đình anh T từ khi cưới cho đến khi anh chị sống ly thân là hơn 09 năm, Toà án xác minh địa phương cho biết trước kia ông Đ làm công nhân sau đó nghỉ hưu còn bà Ch ở nhà làm ruộng và chăn nuôi kinh tế gia đình thuộc diện khá giả. Gia đình ông Đ làm nhà xây bếp kinh tế chủ yếu là do ông bà làm ăn tích cóp mà có, chị Th làm công nhân ở khu công nghiệp Thăng Long trước kia phải đi thuê nhà ở đến cuối tuần mới về con thì để ở nhà cho bố mẹ anh T trông, anh T làm công nhân ở nhà máy gạch Bồ Sao anh chị làm chỉ đủ ăn và nuôi con. Ngoài ra trong thời gian chị Th ở chung với gia đình anh T có cùng gia đình xây ngôi nhà 02 tầng vào năm 2013, xây 01 nhà bếp vào năm 2014. Khi gia đình xây nhà và xây bếp anh T chị Th có đưa tiền cho ông Đ để làm mái tôn, mua gạch, cát, sỏi, gạch lát nền nhà, gạch ốp (ông Đ cũng thừa nhận), như vậy chị Th cũng có một phần công sức đóng góp với gia đình. Hội đồng định giá ngôi nhà xây 02 tầng trị giá 200.000.000đ, mái tôn trị giá 3.000.000đ, 01 nhà bếp trị giá 30.000.000đ tổng cộng 233.000.000đ. Ngoài ra chị Th anh T có cùng ông Đ bà Ch mua 01 bộ bàn ghế đồng ky, 01 bàn thờ (án gian) Hội đồng định giá 15.000.000 đồng.

Còn việc chị Th khai khi gia đình xây nhà chị có đưa tiền và vàng cho ông Đ khoảng 138.000.000đ nhưng ông Đ không thừa nhận. Xét thấy việc chị Th khai đưa tiền và vàng cho ông Đ nhưng hai bên không có giấy tờ gì (chị Th cũng thừa nhận), nên không có cơ sở để tính số tiền trên vào công sức của chị Th được. Như vậy cần buộc anh T và gia đình ông Đ bà Ch thanh toán công sức cho chị Th từ 58.000.000đ đến 60.000.000đ.

Việc chị Th khai đưa cho ông Đ 153.000.000đ gửi ở Quỹ tín dụng xã Cao Đại nhưng ông Đ không thừa nhận có số tiền trên. Ông Đ khai có gửi tại Quỹ tín dụng 100.000.000đ số tiền này là tiền tiết kiệm của ông. Xét thấy việc chị Th khai đưa tiền cho ông Đ gửi ở Quỹ tín dụng xã Cao Đại nhưng hai bên không có giấy tờ gì (chị Th cũng thừa nhận), nên không có cơ sở để xác định chị Th đã đưa cho ông Đ 153.000.000đ đi gửi ở Quỹ tín dụng xã Cao Đại. Tòa án xác minh tại Quỹ tín dụng được biết ông Đ có gửi tại Quỹ 100.000.000đ và đứng tên ông Đ, anh T chị Th không gửi tiền ở Quỹ. Như vậy khoản tiền trên là của ông Đ không phải tiền của chị Th.

[5]. Về tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Chị Th anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.



[6]. Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa chị Th không yêu cầu anh T phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng 1.600.000đ, chị tự nguyện xin chịu các chi phí này là phù hợp.

[7]. Về án phí: Chị Lê Thị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn, ngoài ra chị Th còn phải chịu án phí giá ngạch chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 29, 33, 38, 51, 56, 59, 61, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Lê Thị Th được ly hôn với anh Phan Văn T.

Về con chung: Giao cho anh Phan Văn T tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phan Bình M, sinh ngày 22/10/2010. Giao cho chị Lê Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phan Tiến D, sinh ngày 29/12/2015 (hiện nay cháu D đang ở với anh T). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và đều có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Giao cho chị Lê Thị Th quản lý sử dụng 01 chiếc xe máy nhãn hiệu honda AirBlade BKS 88L 25088 trị giá 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Giao cho anh Phan Văn T quản lý sử dụng 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SHARK BKS 30L 57366; 01 chiếc tủ lạnh nhãn hiệu AQUA; 01 chiếc máy giặt nhãn hiệu LG; 01 bình thái dương năng; 01 máy lọc nước; 01 nồi cơm điện nhãn hiệu SunHouse; 02 chiếc quạt cây nhãn hiệu Vina Wind; 01 chiếc ti vi 48ink nhãn hiệu soni; 01 chiếc xe đạp nhãn hiệu ASMA02; 01 chiếc điều hoà nhãn hiệu Funi ki; 01 tủ trang trí và 01 kệ để ti vi tổng cộng 33.350.000đ (ba mươi ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Anh T phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Th 6.675.000đ (sáu triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

Về công sức: Buộc anh Phan Văn T và ông Phan Văn Đ bà Lê Thị Ch phải thanh toán công sức cho chị Lê Thị Th 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

*Kể từ ngày chị Th có đơn yêu cầu thi hành án mà anh T ông Đ bà Ch không thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng anh T ông Đ bà Ch còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

Về tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Chị Lê Thị Th và anh Phan Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0004859 ngày 10/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, chị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Lê Thị Th phải chịu 1.333.000đ (một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng) án phí giá ngạch chia tài sản và 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ 12.965.000đ (mười hai triệu chín trăm sáu mươi năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0004860 ngày 10/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, chị Th được hoàn lại 8.632.000đ (tám triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Anh Phan Văn T phải chịu 1.333.000đ (một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng) án phí giá ngạch chia tài sản.

Về chi phí tố tụng: Chị Lê Thị Th xin chịu 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản (đã nộp).

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã Cao Đại;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Minh Bình**